

Số: 2665717

	SINOTRUK 6x4	SMRM Xương cở cò 3 trục 40 feet 4 khóa - Trục Fengbao
Giá niêm yết:	1.275.000.000đ	294.000.000đ
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	7.040 x 2.500 x 3.885 mm	12.400 x 2.500 x 1.670 mm
Chiều dài cơ sở	3.200 + 1.400 mm	7.900 + 1.310 + 1.310 mm
Vết bánh xe trước/sau	2.040/1.860 mm	
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	9.135 kg	5.450 kg
Khối lượng chở cho phép	14.735 kg	33.450 kg
Khối lượng toàn bộ	24.000 kg	38.900 kg
Khối lượng kéo theo	38.735 kg	
Số chỗ ngồi	2 chỗ	
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	WEICHAI WP12.430E50	
Loại động cơ	Diesel, 6 xy lạnh thẳng hàng, tăng áp, phun nhiên liệu điều khiển điện tử (ECU)/	
Dung tích xi lanh	11.596 cc	
Công suất cực đại/ tốc độ quay	430/1.900 Ps/(vòng/phút)	
Mô men xoắn/ tốc độ quay	2.060/1.000-1.400 N.m/(vòng/phút)	
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực khí	
Hộp số	FAST GEAR 12JSDX220TA-B (12 số tiến, 02 số lùi)	
Tỷ số truyền	ih1 = 12,1; ih2 = 9,52; ih3 = 7,31; ih4 = 5,71; ih5 = 4,46; ih6 = 3,48; ih7 = 2,71; ih8 = 2,13; ih9 = 1,64; ih10 = 1,28; ih11 = 1,00; ih12 = 0,78; iR1= 11,56; iR2 = 2,59	
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Tang trống, khí nén 2 dòng, ABS	Locke 3 trục
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Nhíp ít lá, giảm chấn thủy lực	
Sau	Nhíp ít lá, balance mỡ, thanh giằng chữ V	Gối nhíp, Gối thẳng Fuwa, Nhíp 7 lá (90x16 mm)
LỚP XE:		
Trước/Sau	12R22.5	12R22.5
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	54,8 %	
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	7,5 m	
Tốc độ tối đa	101 km/h	
Dung tích thùng nhiên liệu	400 lít	
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Trục vít ecu-bi, trợ lực thủy lực	